

Hy thiêm
 Khương hoạt
 Khúc khắc (Thô phục linh)
 Kế đầu ngựa
 Mò quạ (rễ)
 Mộc qua
 Mộc thông
 Phòng kỷ
 Phòng phong
 Ngưu tất
 Ngũ vị tử
 Tầm guri Dâu
 Tàn giao
 Thạch hộc
 Thạch xương bồ
 Thăng ma
 Thiên ma
 Thiên niên kiện
 Phá cố chi
 Quế chi
 Tỳ giải
 Uy linh tiên
 Xuyên khung
 Ý dĩ

7.2. Thuốc chữa tê thấp, thuộc loại độc phải thận trọng :

Ô đầu
 Hoàng nàn
 Mã tiền

7.3. Thuốc chữa thống phong (goutte):

Ngưu bàng (rễ)

7.4. Thuốc làm mạnh gân, xương:

Câu tích
 Cao ban long
 Cốt toái bổ
 Đỗ trọng Bắc
 Hô cốt
 Ky tư
 Ngưu tất
 Tục đoạn

7.5. Thuốc giãn cơ (myorelaxant)

Hậu phác bắc
 Quế chi

8. Thuốc về hệ tiêu hóa

8.1. Thuốc bổ tỳ (tăng cường chức năng của tỳ) :

Bạch truật
 Cam thảo
 Củ mài (Hoài sơn)
 Đại táo
 Đậu ván trắng
 Ích trí nhân
 Liên nhục (hạt Sen)
 Long nhãn
 Ý dĩ

8.2. Thuốc sinh tân (chữa các chứng bệnh do tân dịch bị khô cạn)

Ngọc trúc
 Ngũ vị tử
 Sa sâm (bắc, nam)
 Sinh địa hoàng (sinh địa)
 Thạch hộc
 Thiên hoa phấn
 Thiên môn đông
 Trám trắng (quả)
 Tri mẫu
 Tóc tiên (cỏ)

8.3. Thuốc làm ấm bụng, giúp tiêu hóa :

Bạc hà
 Bạch đậu khấu
 Bạch truật
 Cải củ (hạt)
 Chi thực
 Chi xác
 Cốc nha
 Đại hoàng
 Đại hồi
 Đại táo
 Đậu ván trắng
 Địa liên
 gừng
 Hành tía